CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2024

CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa

Ngày 30/09/2024	39,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	9.1%	**11.9%**	**18.2%**

DT thuần
Q3/24
315
tỷ VNĐ
QoQ: ▼24.0| -7.0%
YoY: ▲ 96.0| 43.9%

LN thuần
Q3/24
61.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▼15.5| -20.0%
YoY: ▲ 36.3| 142%

LN sau thuế
Q3/24
50.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▼2.30| -4.4%
YoY: ▲ 30.2| 147%

Tỷ suất lãi EBIT
Q3/24
20.1%
YoY: +/-▼ 0.1%

ROE (TTM)
Q3/24
31.7%
YoY: +/-▲ 3.0%

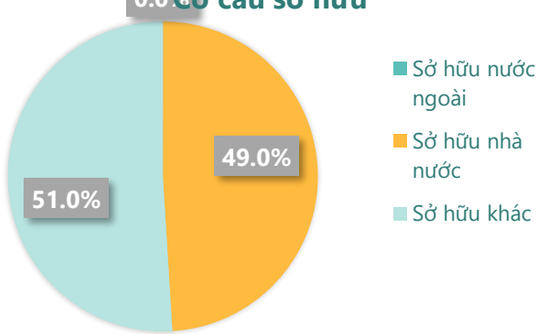
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	28,246 - 40,700
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,850
Số lượng CPLH (CP)	46,720,560
KLGD BQ 20 phiên (CP)	239,535
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.37
EPS	4,530
P/E	8.7

DT thuần
9T 2024
945
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 233| 32.7%

LN thuần
9T 2024
205
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 107| 108%

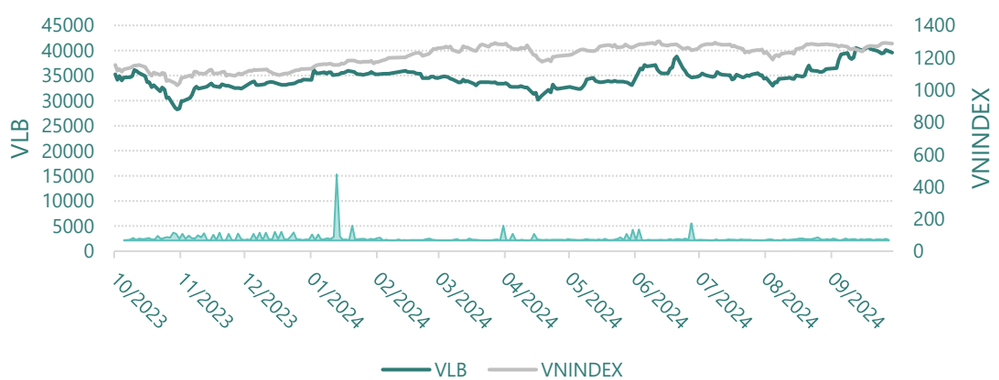
LN sau thuế
9T 2024
155
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 68.3| 79.1%

Cơ cấu sở hữu

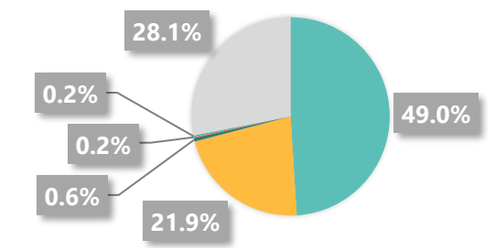


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

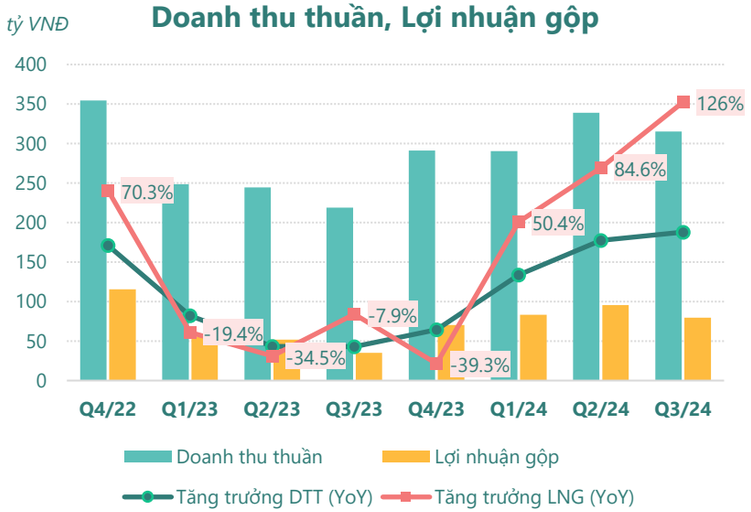


- Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - TNHH MTV
- Công ty TNHH Đầu tư KSB
- CTCP Xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa
- Nguyễn Xuân Việt
- Phạm Thái Hợp (Phó Giám đốc)

(Nguồn: fireant.vn)

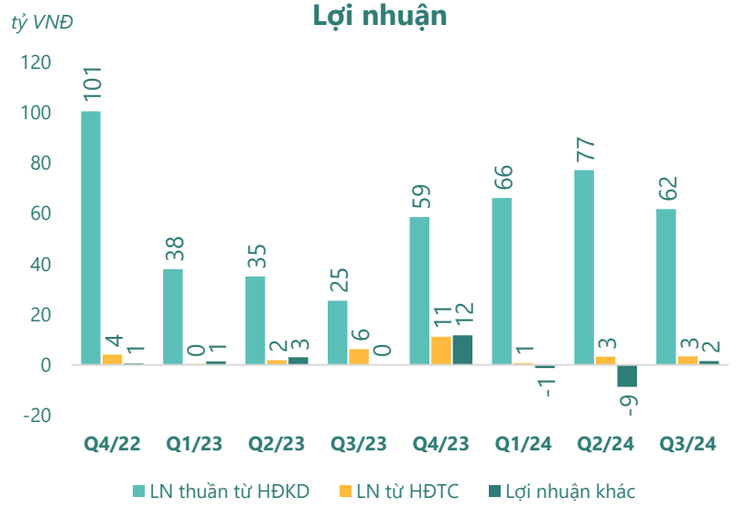
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



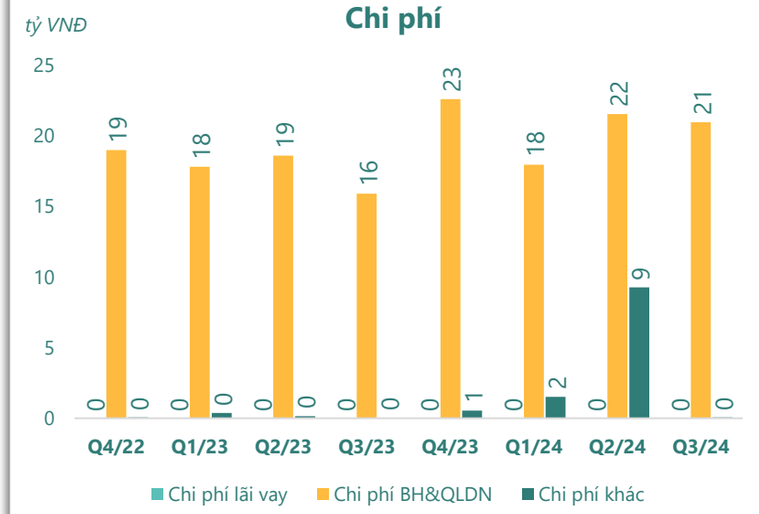
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



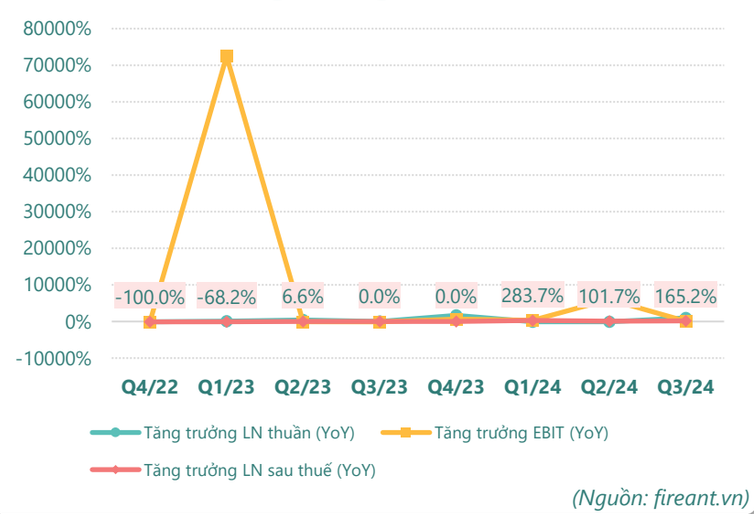
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



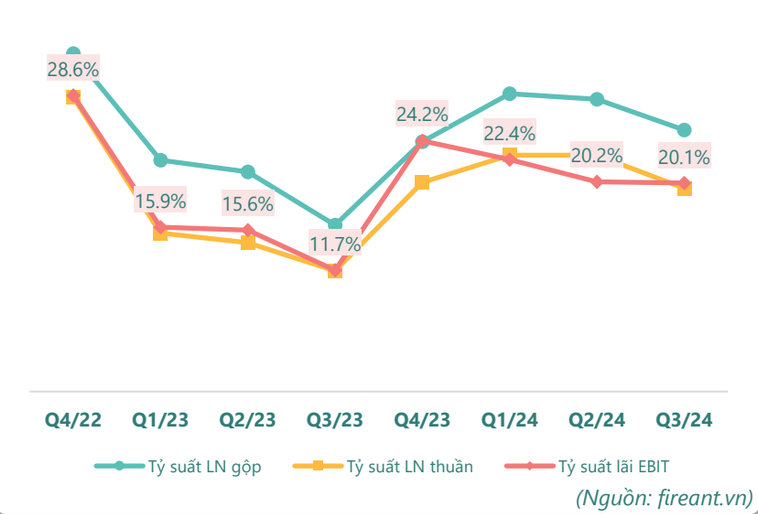
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



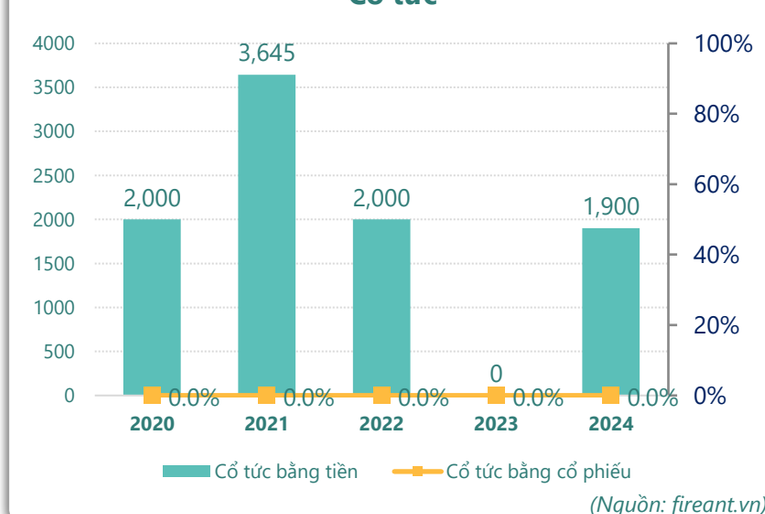
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

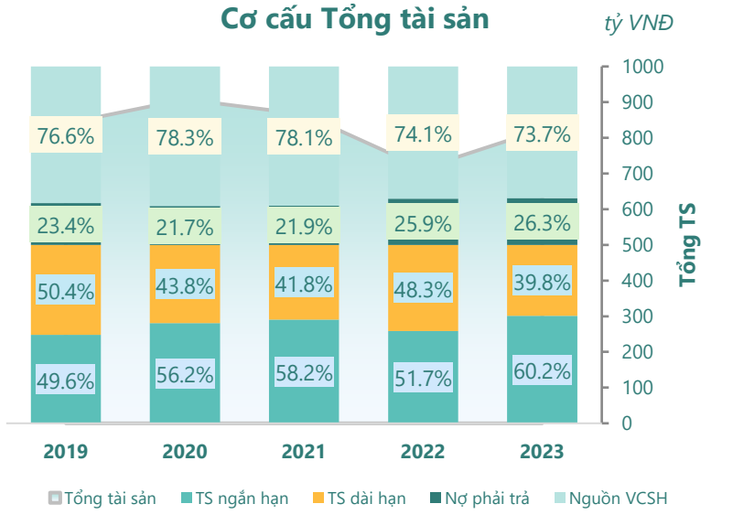
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

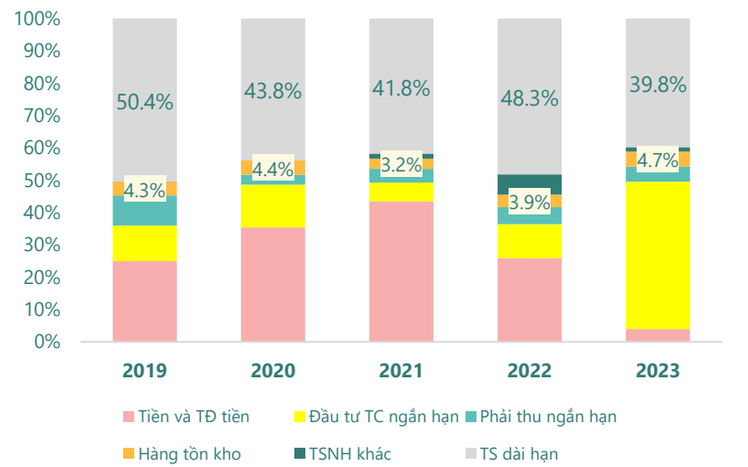
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



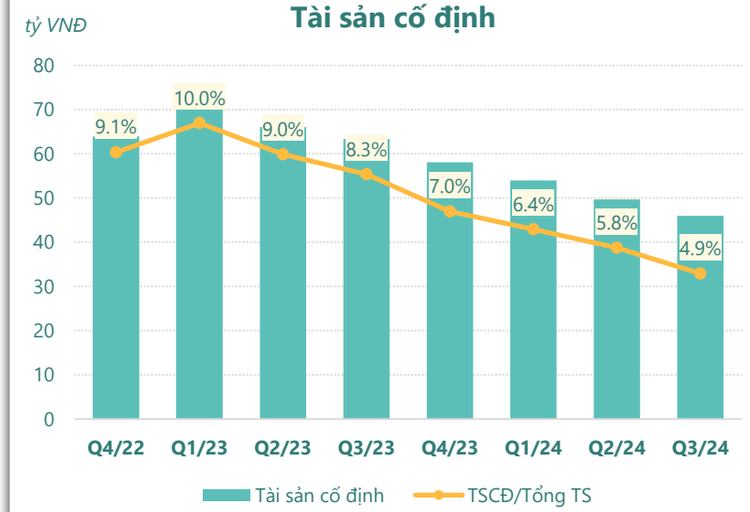
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



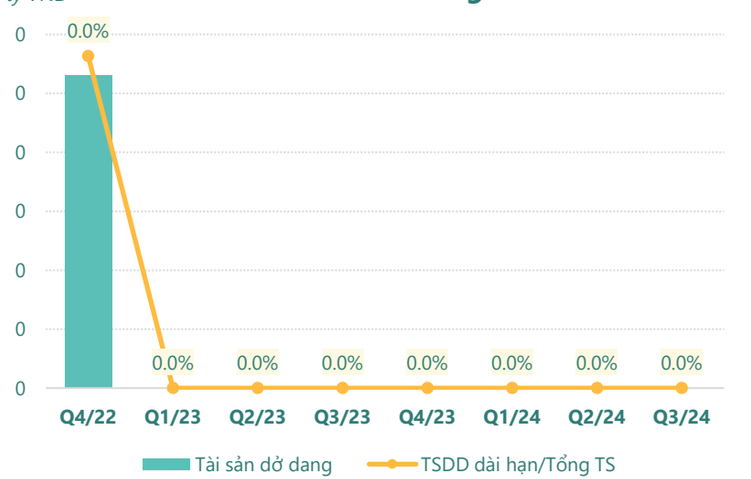
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



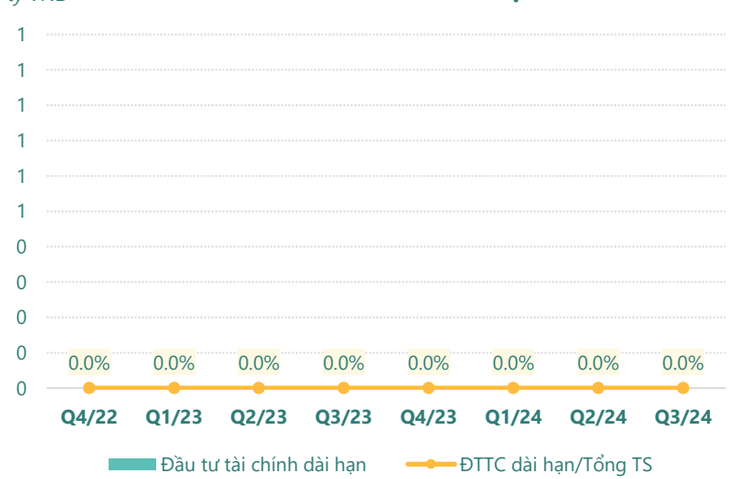
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



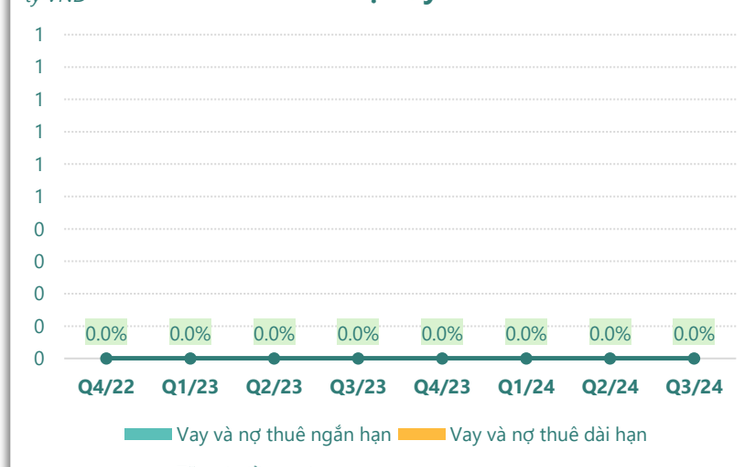
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

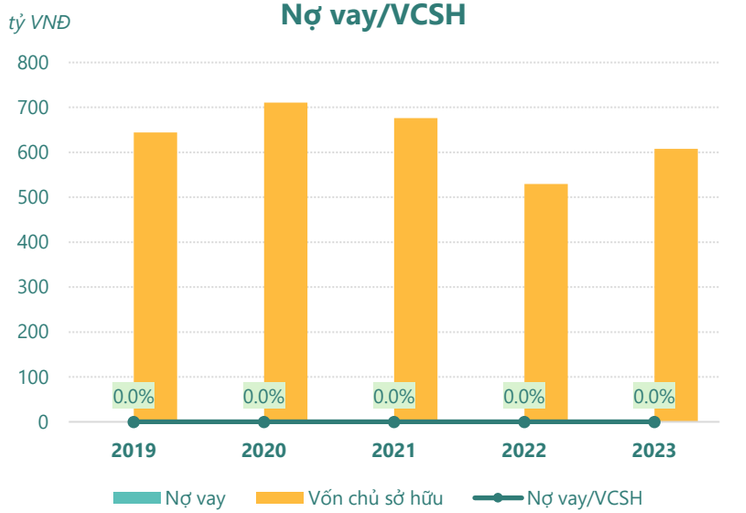
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

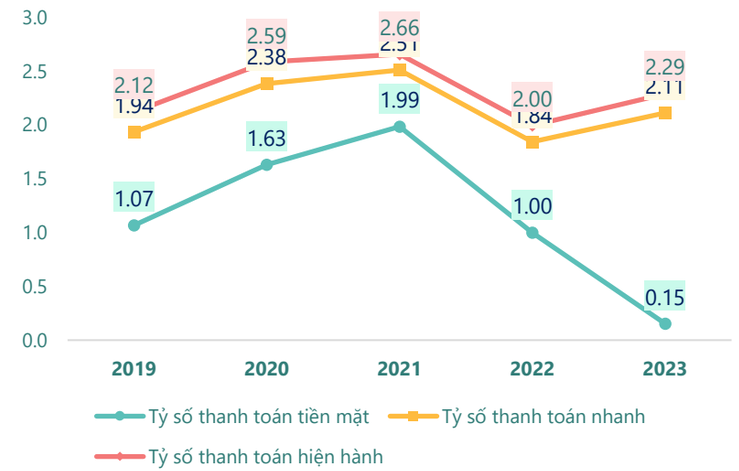
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



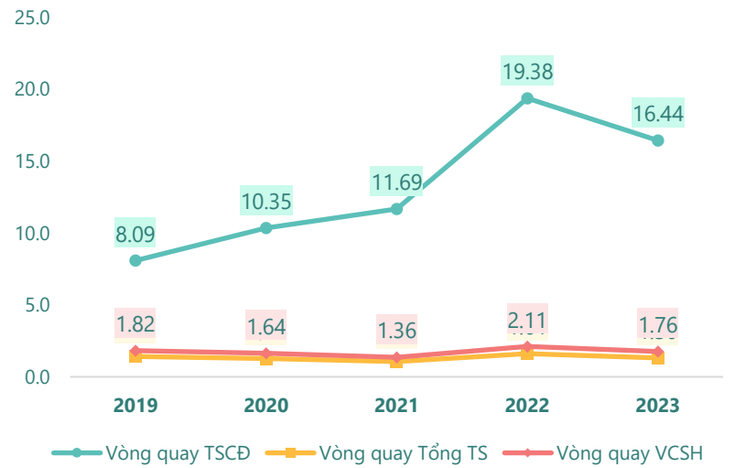
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



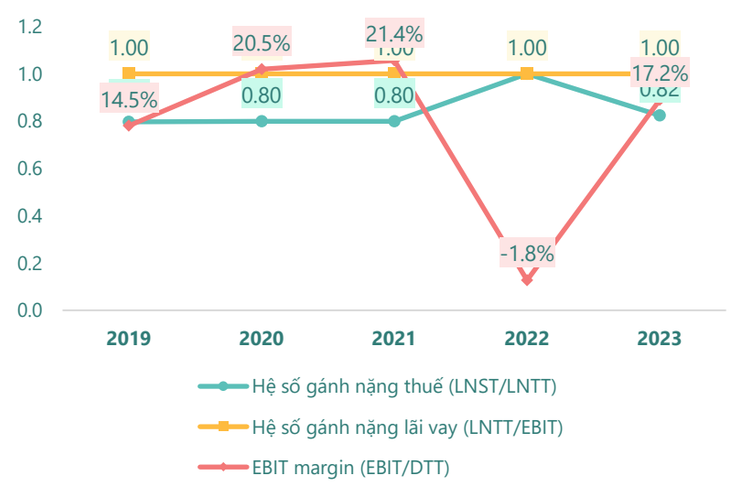
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



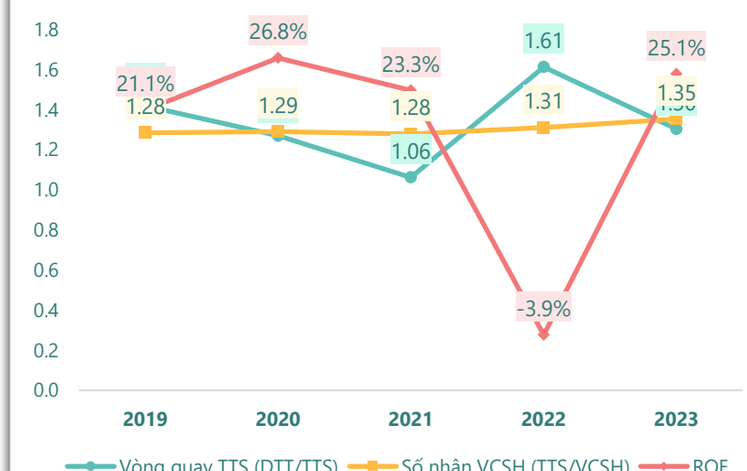
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



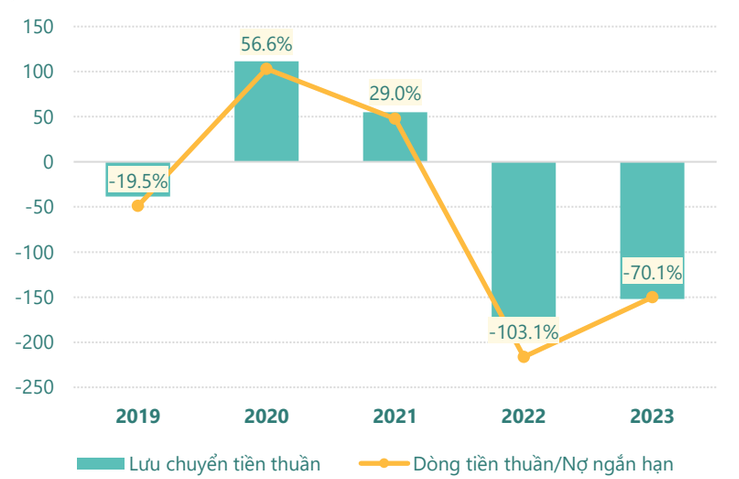
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q3/23	Thay đổi YoY	9T 2024	9T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**315**	**219**	**43.9%**	**945**	**712**	**32.7%**
Giá vốn hàng bán	236	184	28.1%	686	570	20.5%
Lợi nhuận gộp	79.5	35.1	126%	259	142	81.5%
Doanh thu HĐTC	3.32	6.26	-47.0%	7.28	8.47	-14.0%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	2.79	3.12	-10.6%	7.50	10.6	-29.4%
Chi phí QLDN	**18.2**	**12.8**	**42.1%**	**53.0**	**41.7**	**27.0%**
LN thuần từ HĐKD	61.8	25.5	142%	205	98.5	108%
Lợi nhuận khác	**1.54**	**0.12**	**1181%**	**-8.39**	**4.53**	**-285%**
LN trước thuế	63.4	25.6	148%	197	103	91.1%
Lợi nhuận sau thuế	**50.7**	**20.5**	**147%**	**155**	**86.7**	**79.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**50.7**	**20.5**	**147%**	**155**	**86.7**	**79.1%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.0	25.4	68.0	27.5	112	81.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-85.4	-31.6	-49.4	-32.4	-34.1	-65.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	-88.8	0
Tiền đầu kỳ	74.2	20.8	14.6	33.2	28.2	17.4
Lưu chuyển tiền thuần	**-53.4**	**-6.20**	**18.6**	**-4.98**	**-10.8**	**16.0**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	20.8	14.6	33.2	28.2	17.4	33.4

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**931**	**824**	**13.0%**
Tài sản ngắn hạn	625	496	25.9%
Tiền và tương đương tiền	33.4	33.2	0.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	520	375	38.7%
Phải thu ngắn hạn	32.3	38.5	-16.1%
Hàng tồn kho	39.2	38.6	1.7%
Tài sản ngắn hạn khác	0.03	11.0	-99.7%
Tài sản dài hạn	**306**	**328**	**-6.6%**
Phải thu dài hạn	32.6	31.7	3.0%
Tài sản cố định	46.0	58.1	-20.9%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**228**	**238**	**-4.4%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	210	217	-2.9%
Nợ ngắn hạn	**206**	**217**	**-5.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	25.6	23.5	9.0%
Nợ dài hạn	4.69	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**721**	**607**	**18.7%**
Vốn chủ sở hữu	**721**	**607**	**18.7%**
Vốn điều lệ	469	469	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)